Lớp Phật Pháp Buddhadhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAṂYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 30.8.2022

ĐỈNH CỦA ĐỈNH

Kinh Moggallāna (Moggallānasuttaṃ)

CHƯƠNG VIII. TƯƠNG ƯNG TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA (S. i, 194)

Chỉ có bậc thánh mới thật sự biết rõ tâm tư của các bậc thánh. Chỉ có bậc thánh với trình độ cao mới soi thấu cảnh giới nội tại của các bậc thấp hơn. Một thánh chúng dưới chân Phật toàn là chư vị ứng cúng la hán với tam minh giống như bao nhiêu đại dương rộng lớn khó mà lượng định. Thế mà Ngài Mục Kiền Liên có thể biết tất cả bởi vì sở đắc cao vợi cả hai phương diện tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Bản thân là một bậc thánh ngồi giữa thánh chúng lại được biết về một cao đồ của Bậc Đạo Sư có thể soi thấu tâm ý của thánh chúng thanh văn khiến Tôn giả Vaṅgīsa như được mục kích rặng Hy Mã Lạp trùng trùng cao lãnh. Và từ cảm khái nầy đã tạo nên những vần thơ xưng tán.

Kinh Văn

Ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati isigilipasse kāḷasilāyaṃ mahatā bhikkhusaṅghena saddhiṃ pañcamattehi bhikkhusatehi sabbeheva arahantehi. Tesaṃ sudaṃ āyasmā mahāmoggallāno cetasā cittaṃ samannesati [samanvesati (syā. aṭṭha.)] vippamuttaṃ nirupadhiṃ.

Một thuở Đức Thế Tôn ngự triền đồi Isigili, Hắc Sơn, Rājagaha cùng với đại chúng tỳ khưu năm năm vị, tất cả đều là bậc ứng cúng la hán. Tôn giả Mahā Moggallāna với tự tâm biết rõ tâm thái của chư vị đều đã giải thoát, không còn sở y.

Atha kho āyasmato vaṅgīsassa etadahosi – ‘‘ayaṃ kho bhagavā rājagahe viharati isigilipasse kāḷasilāyaṃ mahatā bhikkhusaṅghena saddhiṃ pañcamattehi bhikkhusatehi sabbeheva arahantehi. Tesaṃ sudaṃ āyasmā mahāmoggallāno cetasā cittaṃ samannesati vippamuttaṃ nirupadhiṃ. Yaṃnūnāhaṃ āyasmantaṃ mahāmoggallānaṃ bhagavato sammukhā sāruppāhi gāthāhi abhitthaveyya’’nti.

Khi ấy Tôn giả Vaṅgīsa khởi lên ý nghĩ: "Đức Thế Tôn ngự triền đồi Isigili, Hắc Sơn, Rājagaha cùng với đại chúng tỳ khưu năm trăm vị, tất cả đều là bậc ứng cúng la hán. Tôn giả Mahā Moggallāna với tự tâm biết rõ tâm thái của chư vị đều đã giải thoát, không còn sở y. Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên kệ ngôn thích hợp tán thán Tôn giả Mahā Moggallāna".

Atha kho āyasmā vaṅgīso uṭṭhāyāsanā ekaṃsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā yena bhagavā tenañjaliṃ paṇāmetvā bhagavantaṃ etadavoca – ‘‘paṭibhāti maṃ, bhagavā, paṭibhāti maṃ, sugatā’’ti. ‘‘Paṭibhātu taṃ, vaṅgīsā’’ti bhagavā avoca.

Lúc ấy Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch rằng:

--Bạch Thế Tôn, cảm khái khởi lên trong tâm con. Bạch Thiện Thệ, cảm khái khởi lên trong tâm con.

Đức Thế Tôn nói:

-- Này Vaṅgīsa, hãy đọc lên cảm khái ấy.

Atha kho āyasmā vaṅgīso āyasmantaṃ mahāmoggallānaṃ bhagavato sammukhā sāruppāhi gāthāhi abhitthavi –

‘‘Nagassa passe āsīnaṃ, muniṃ dukkhassa pāraguṃ;
Sāvakā payirupāsanti, tevijjā maccuhāyino.

‘‘Te cetasā anupariyet, moggallāno mahiddhiko;
Cittaṃ nesaṃ samannesaṃ, vippamuttaṃ nirūpadhiṃ.

‘‘Evaṃ sabbaṅgasampannaṃ, muniṃ dukkhassa pāraguṃ;
Anekākārasampannaṃ, payirupāsanti gotama’’nti.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa nói lên kệ ngôn tán thán thích hợp đối với Tôn giả Mahā Moggallāna với sự hiện diện của Đức Thế Tôn:

“Thánh Giả trên triền núi
Đã vượt tất cả khổ
Hàng đệ tử vây quanh
Chứng tam minh bất tử.

“Mục Liên đại thần lực
Tự tâm thấu hiểu tâm
Biết rõ chư hiền thánh
Giải thoát, không sở y.

“Kìa những bậc chí thiện
Phụng hầu Đức Cồ Đàm
Đấng toàn hảo phẩm hạnh
Đã lìa bờ mê khổ.

Thích văn

‘‘Nagassa passe āsīnaṃ = ngồi trên triền núi
muniṃ dukkhassa pāraguṃ = bậc mâu ni đã giải thoát khổ sầu
Sāvakā payirupāsanti = những đệ tử hầu (Phật)
tevijjā maccuhāyino = là những bậc chứng tam minh đã chiến thắng tử thần

‘‘Te cetasā anupariyet = quán sát với tâm của Ngài
moggallāno mahiddhiko = Moggallāna đại thần lực
Cittaṃ nesaṃ samannesaṃ = đọc tư tưởng của chư vị
vippamuttaṃ nirūpadhiṃ = giải thoát, không còn sở y

‘‘Evaṃ sabbaṅgasampannaṃ = Như vậy những bậc chí thiện
muniṃ dukkhassa pāraguṃ = bậc mâu ni đã vượt qua khổ ải
Anekākārasampannaṃ = bậc toàn hảo phẩm hạnh
payirupāsanti gotama’’nti = phụng hầu Đức Gotama

Thích nghĩa

Tôn giả Moggallāna (Mục Kiền Liên) cũng gọi là Mahā Moggallāna là một trong hai thượng thủ thinh văn của Đức Phật. Ngài được Đức Thế Tôn xác chứng là đệ nhất thần thông – có nghĩa là bậc rất tinh luyện về xuất nhập tam muội định. Về sự quảng trí Ngài chỉ sau Tôn giả Sāriputta. Cả hai Ngài nhận lãnh nhiều trọng trách do Đức Phật giao phó đặc biệt là trong vai trò giáo thọ của Tăng chúng. Tôn giả

Sāriputta thường đóng vai trò vị thầy khai tâm cho giai đoạn đầu và Tôn giả Moggallāna là vị hướng dẫn cho giai đoạn pháp hành đi sâu hơn.

Bài kệ nầy trên phương diện văn phong rất khó dịch. Có thể cảm nhận như mô tả về rặng Hy Mã Lạp vĩ đại với nhiều đỉnh núi. Chỉ có từ đỉnh cao mới có tầm nhìn rõ những đỉnh thấp hơn. Ngài Moggallāna là bậc tu chứng ở trình độ cao mới thấu đáo tâm ý của tất cả chư vị A la hán khác. Và cũng từ những vần thơ nầy tôn lên hình ảnh cao vợi của Đức Phật là đỉnh cao nhất trong những đỉnh cao.

Theo Phật Pháp thì trên phương diện tha tâm thông (đọc tâm của người khác) thì bậc thánh thấp không thể thấu hiểu hoàn toàn tâm của bậc thánh cao hơn. Có thể nhận ra những ý tưởng bình thường nhưng không thể quán triệt cảnh giới cao rộng hơn trình độ tu chứng của mình.

Tỳ khưu Giác Đẳng dịch và biên soạn giáo trình

10. Moggallānasuttaṃ [Mūla]

218. Ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati isigilipasse kāḷasilāyaṃ mahatā bhikkhusaṅghena saddhiṃ pañcamattehi bhikkhusatehi sabbeheva arahantehi. Tesaṃ sudaṃ āyasmā mahāmoggallāno cetasā cittaṃ samannesati [samanvesati (syā. aṭṭha.)] vippamuttaṃ nirupadhiṃ. Atha kho āyasmato vaṅgīsassa etadahosi – ‘‘ayaṃ kho bhagavā rājagahe viharati isigilipasse kāḷasilāyaṃ mahatā bhikkhusaṅghena saddhiṃ pañcamattehi bhikkhusatehi sabbeheva arahantehi. Tesaṃ sudaṃ āyasmā mahāmoggallāno cetasā cittaṃ samannesati vippamuttaṃ nirupadhiṃ. Yaṃnūnāhaṃ āyasmantaṃ mahāmoggallānaṃ bhagavato sammukhā sāruppāhi gāthāhi abhitthaveyya’’nti.

Atha kho āyasmā vaṅgīso uṭṭhāyāsanā ekaṃsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā yena bhagavā tenañjaliṃ paṇāmetvā bhagavantaṃ etadavoca – ‘‘paṭibhāti maṃ, bhagavā, paṭibhāti maṃ, sugatā’’ti. ‘‘Paṭibhātu taṃ, vaṅgīsā’’ti bhagavā avoca. Atha kho āyasmā vaṅgīso āyasmantaṃ mahāmoggallānaṃ bhagavato sammukhā sāruppāhi gāthāhi abhitthavi –

‘‘Nagassa passe āsīnaṃ, muniṃ dukkhassa pāraguṃ;
Sāvakā payirupāsanti, tevijjā maccuhāyino.

‘‘Te cetasā anupariyeti [anupariyesati (sī. syā. kaṃ.)], moggallāno mahiddhiko;
Cittaṃ nesaṃ samannesaṃ [samanvesaṃ (syā. aṭṭha.)], vippamuttaṃ nirūpadhiṃ.

‘‘Evaṃ sabbaṅgasampannaṃ, muniṃ dukkhassa pāraguṃ;
Anekākārasampannaṃ, payirupāsanti gotama’’nti.

10. Moggallānasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

218. Dasame **samannesatī**ti pariyesati paccavekkhati. **Nagassā**ti pabbatassa. **Muni**nti buddhamuniṃ. **Dukkhassa pāragu**nti dukkhapāraṃ gataṃ. **Samannesa**nti samannesanto. **Evaṃ sabbaṅgasampanna**nti evaṃ sabbaguṇasampannaṃ. **Anekākārasampanna**nti anekehi guṇehi samannāgataṃ. Dasamaṃ.